

Lời Mở Đầu

Có câu hỏi đặt ra là Phật giáo có phải là một triết học hay không? Và phải chăng giữa triết học và Phật giáo hoàn toàn có những nét tương đồng để chúng ta xem nó là một?



Muốn đi sâu tìm hiểu vấn đề này, chúng ta cần nói rõ về nghĩa của hai danh từ "Phật pháp" và "triết học". Trong luận điểm luôn xưng hô "Phật, Pháp, Tăng" là tam bảo. Ở đây, nếu gọi "Phật pháp", chúng ta hiểu nó là "pháp", nghĩa là nội dung thích hợp để dẫn dắt, đó là nghĩa lý của một sự vật, "Phật pháp" nghĩa là nghĩa lý của Phật giáo. Phật giáo vốn là một tôn giáo, những Phật giáo và các tôn giáo khác không giống nhau. Các tôn giáo khác thường là thờ phụng và tin vào một vị thần đầy huyền bí, cao siêu nào đó. Loài tín ngưỡng này thường xuất hiện ở những vùng và tình cảm, là mê tín. Theo đà tiến bộ của dân tộc và văn minh nhân loại, sự tồn tại của "thần" và quy định của nó dần dần lung lay cho nên loài tôn giáo theo những tình cảm mà có thì cũng tùy theo thời gian mà bị đào thải, bị quên. Phật giáo thì ngược lại. Phật giáo có nghĩa lý tinh tế, viên dung, phong phú và cao siêu. Nó giống thích rõ nhân sinh và vũ trụ

cùng các hiện tượng vật chất. Nghĩa lý này tuy tốt đẹp không do tiến bộ khoa học của thời đại mà lung lay. Nghĩa lý Phật pháp - tức Phật pháp - là nội chân ngôn vật chất không phai mờ.

Thông thường người ta xem Phật pháp là Phật học hay triết học Phật giáo. Đó là do nghĩa lý mà Phật pháp thuyết giảng về triết học của thế gian. Nhưng triết học của thế gian có rất nhiều phái, như Lão Trang thì có triết học Lão Trang, ông Khổng, ông Mạnh thì có triết học của Nho giáo.v.v.. Hiện tại cái mà người ta gọi là "triết học Phật giáo" nói chung cũng bao gồm luôn các phái dân gian. Nói đến triết học Phật giáo, các phái luôn có cách giảng thích riêng. Nhưng trong giới hạn bài viết này, chúng ta chỉ bàn đến sự khác nhau giữa triết học Phật pháp và triết học phổ thông. Bây giờ tôi xin liệt kê các điểm khác nhau đó như sau :

1. Triết Học là Hoạt Động Của Lý Tính.

Phật Pháp Là sự Triết Ngộ Của Trí Tuệ.

Định nghĩa trên được rút ra khi đứng trên quan điểm của nhận thức luận mà phân biệt Phật pháp với triết học. Tại sao triết học lại được gọi là triết học của lý tính? Đó chính là vì hoạt động của lý tính và hoạt động của cảm tính luôn đối nghịch nhau. Để minh chứng cho điều này, chúng tôi xin dùng thuật ngữ Duy thức để giải thích: Hoạt động cảm tính là những hiện tượng của nhãn thức, nhĩ thức, thị thức, thân thức Trong khi hoạt động của lý tính là những suy nghĩ về những ý thức. Vì triết học là hoạt động của lý tính nên phương thức nhận thức nó hoàn toàn không nằm ngoài phạm vi những suy nghĩ thức. Nhưng Phật pháp thì không như vậy. Phật pháp không có ý bám vào những suy nghĩ thức mà là do trí tuệ được dựa trên hiện tượng ý thức làm căn bản.

Hai trí tuệ của Phật pháp không phải giải thích những điều là "thông minh sáng trí" ; Phật giáo nói "trí tuệ" là phải qua một quá trình tu tập dài mà được các khi dạy. Nó có khả năng nhận biết tất cả các sự việc xảy ra trước mắt, không thêm bớt phân biệt, cho nên được gọi là "vô phân biệt trí"; Nếu nhìn từ quan điểm này, tất cả sự thông minh sáng trí của thế gian đều là "vướng vào những phân biệt, thu hẹp và bị kẹt sập tính"; Tri thức mà nó đạt được cũng chỉ qua là vướng tình nghiệp thức, các lĩnh vực khác nhau : triết học, khoa học, học duy tâm, duy vật, nhất nguyên hay đa nguyên cũng đều như thế.

2. Triết Học Là Khái Niệm, Phật Pháp Là Ly Ngôn.

Đây là sự khác nhau giữa triết học và Phật pháp vốn bản thân luận. Triết học là hoạt động của lý tính, mà hoạt động của lý tính thì phương pháp của nó chắc chắn là ngôn ngữ vào khái niệm. Cho nên bản thân vũ trụ mà triết học hay nói cũng đã được khái niệm hóa. Có người nói nhất nguyên, có người nói đa nguyên. Nhưng duy tâm, duy vật nhất nguyên, đa nguyên đều là bản thân vũ trụ, đều không tránh khỏi là một khái niệm. Bản thân của khái niệm cũng là một cái vật trừu tượng. Nó không có nội dung, Lão Tử đã nói: "Có một vật do hình thành mà thành. Nó có trước cả trời đất, tồn tại trước vạn vật nhưng không thay đổi, lưu hành khắp nơi mà không bị nhiễm. Tôi không biết tên nó là gì, mình cũng không gọi tên nó là Đạo". Điều hiển nhiên là Lão Tử đã gọi bản thân vũ trụ là Đạo. Đạo là ngoài khái niệm, không thể đặt tên, thể hình dáng của nó được. Cho nên Lão Tử đã nói: "Đạo không thể nói, phi ngôn ngữ; danh không thể đặt, phi danh; danh" . Lão Tử ly ngôn mà bàn bản thân luận. Điều đó đã nói lên triết lý thâm奥, huyền diệu của ông.

Trên lý luận đó, chúng ta nhận được trong Phật pháp là ly ngôn, nhà Phật cho rằng tất cả khái niệm, danh từ, ngôn luận đều là hư vọng. Điều này sẽ vượt, nếu có sự chấp trước vào hư vọng thì sự thật sẽ không được thể hiện đúng đắn, chính xác. Cho nên Phật giáo luôn nhấn mạnh việc dứt bỏ căn bản là pháp chấp. Phương pháp của pháp chấp là không trừu tượng (chấp trước). Nếu trong lòng còn một chút khái niệm, nghi ngờ danh từ, ngôn ngữ đó đều là trừu tượng. Cho nên, trong lòng phải không hề có chút gì vướng bận đối với danh từ, ngôn ngữ nào cả, phải giữ tâm từ bỏ ràng buộc, không phân biệt nhân ngã, không phân biệt bất thiện nhưng không được ngừng trừ thiện mà phải lý sự dung thông. Bởi thế nên mới có câu: "Rừng trúc không ngại nước chảy qua, núi cao há ngăn được mây bay". Đây mới chính là cảnh giới cao nhất của đời thực pháp. Cảnh giới này cũng chính là cảnh giới thực vô tướng. Kinh Kim Cang cũng có nói: "Thuyết pháp bất chấp ngữ pháp, danh thuyết pháp". Tất cả những ví dụ này chứng minh rằng bản thân luận của Phật giáo là "ly ngôn thuyết";

3. Triết Học Là Học Cứu. Phật Pháp Là Thực Tại

Vì sao chúng ta lại có những kết luận như vậy?

Thực chất, bản thân triết học là khái niệm. Mà bản thân khái niệm là một thể học cứu. Nó vượt thực tại tuy nhiên không vượt trí tuệ, dù sao đi nữa luôn có một sự cách biệt với thực tại. Ví dụ như cây viết là một khái niệm. Viết có thể là nhiều loại viết khác nhau như: bút lông, viết chì, viết máy, viết phấn được thông qua tác động đến giác và thông hợp hóa lý tính của nhân loại mà hình

có u ra khái niệm chung này . Cây viết này nguyên gốc của nó đã không phải là viết bút lông, viết chì , bút máy nữa. Rồi viết bút lông, thì bút lông bên thân là một khái niệm hợp của. Nó được cắm vào lông của, lông dê, lông gà mà được dán giấy nên thành hợp mà thành. Nó không phải là cây bút lông muôn màu muôn vẻ khác trên. Cho nên khái niệm càng cao cấp tinh vi, phạm vi trải rộng càng lớn thì hợp của cách thức càng xa. Trong triết học có nói đến nhiều khái niệm như "tâm", "vật", "nhất", "đa", đây là những khái niệm trừu tượng. Hơn nữa , khái niệm vật phẩm nguyên vật chất là một trong những sự vật hiện tồn, tiếp nhận, tiếp đó rút ra những yếu tố nội hàm riêng nhau, rồi đặt cho nó một cái tên chung quát, sự mệnh danh cho yếu tố nội hàm này. Triết học đã là khái niệm cho nên nó chuyển qua là "độc lập" do ý thức duyên khởi, là không có một chất. Lập luận về Bản thể luận của Phật giáo là khác đó. Đây chính là lý do vì sao chúng ta gọi Phật pháp là thực tại.

Thứ hai, nếu chúng ta không hề có hai khái niệm trên, chúng ta vẫn có thể chứng minh được rằng triết học là hợp của. Chúng ta hãy cho một ví dụ : nếu như nói triết học là một môn học nghiên cứu về nhân sinh vũ trụ . Những hiện tượng nhân sinh vũ trụ của các quốc gia thay đổi trong từng phút từng giây; thì thì liệu những triết gia như thế này có gì nguyên mãi như thế khi hoàn cảnh thay đổi, khi triết học của nhân loại tiến bộ hơn ? Nếu vậy thì cách gì thích hợp đây không còn phù hợp nữa, nhất là triết gia phải tiếp xúc với hiện tượng gì thích hợp cho phù hợp hơn. Như vậy , triết học chuyển khác nào một chuỗi dài tiếp vá của toàn bộ triết học nhân loại để gì thích hiện tượng môi trường thay đổi. Mỗi khu vực , mỗi dân tộc đều có trình độ triết học khác nhau do sự khác biệt của hoàn cảnh. Vì thế họ cắm vào triết học và hoàn cảnh của riêng mình mà tiếp vá thêm để nên hiện tượng triết học của riêng mình. Kết quả là mỗi nội dung khác nhau. Hơn nữa , chân lý của sự vật do thế để , dựa lý dân tộc không riêng nhau, biểu hiện hoàn toàn không nhất trí , cho nên trên thế giới không có chân lý tuyệt đối. Chân lý chỉ tồn tại trong một tình huống cụ thể nào đó. Với những hiện tượng như vậy, triết học chuyển khác nào mang thực tại tính của mình ra mà tuyên bố phá sản.

Tất cả những điều vừa nói thích trên đã có thể giải đáp câu trả lời : " Vì sao triết học là hợp của"; Còn với Phật pháp, cái mà Phật pháp đòi hỏi là tánh cảnh có cảnh có chất, nên nó là thực tại.

4. Triết Học "Giữa", Phật Pháp "Giữa" và "Chứng minh";

Chúng ta nên bắt đầu bằng một ví dụ : Một người nào đó sống ở vùng nhiệt đới từ lúc sinh ra cho tới bây giờ chưa hề thấy bao giờ . Nếu bên ngoài trời nắng và người đó vẫn mặc áo, quần áo là như, trong suốt, người ấy nghe xong , trong đó sự hình dung đúng những điều như thế. Như thế được gọi là "giữa" (hiểu). Sau khi người ấy nghe rồi, tuy biết rằng các

đá là như thế, công việc, trong sự thật, những người không biết như là gì, công việc thế nào, trong sự thật ra sao. Giữa sự nghiệp của họ có một phần vùng hạn chế, người ta mang những cái đá ra xem xét, lúc này họ mới biết thế nào là như thế, công việc và trong sự thật, anh ta sẽ hiểu ngay lập tức. Những việc gì là công việc. Cho nên "giới" thì mới nghiệp của cùng biết và nói được, còn "chánh" thì chỉ có mình biết mà thôi.

Phật pháp chính là những việc đó, phải đi đến đến một cái để những việc mới xong việc. Cho nên nó như những việc và miêu tả vũ trụ là xác thực nhất. Trong khi đó triết học chỉ giới thiệu. Đây là sự khác biệt giữa Phật pháp và triết học trên bình diện những việc thực.

5. Triết Học Luôn Bị Động, Phật Pháp Luôn Như Trí.

Triết học là học hỏi, nó không có một tiêu chuẩn cố định như triết học thì nào cũng. Cho nên mọi triết gia sẽ có triết học của họ để đi đó. Một khu vực cũng có triết học riêng của nó mà người ta trong khu vực tôn thờ. Thậm chí mọi cá nhân đều có triết học riêng của mình cá nhân. Những người triết học khác nhau những việc của chúng ta sẽ đến đến những việc, một nguyên do của sự hiện tại là bản thân nó không có tiêu chuẩn triết học và một khuynh hướng chung cùng như một đến. Phật pháp nói là như trí, chúng ta có sự tiến bộ tiến bộ đi đến cùng thế giới như thế. Chúng ta thấy Phật giáo có nhiều giáo phái như Theravada, Tiểu thừa, hiện giáo, một giáo và quyển, triết học, không, hiện. Ngay trong các tông phái Đại thừa hiện tại cũng chia ra nhiều giáo, thiền, tịnh, luật, một. Trong khi đó, "giáo" thì có thiên thai, hoa nghiêm, pháp tạng, tam luận, môn thì nhiều, kinh điển thì càng nhiều hiện. Những, tuy có khác biệt như thế nào đi nữa, trên nguyên tắc "chánh"; triết học pháp "chánh"; tất cả đều không hợp, thế giới như thế với nhau, không hề mâu thuẫn.

6. Mục Đích Của triết học Là Hướng Dẫn Cho Đạo Hành Của Con Người. Mục Đích Của Phật Pháp Là Thành Phật Đẳng Giác.

Ta thấy đây cách chúng ta nhìn nhận của triết học và Phật pháp khác nhau. Vì triết học luôn luôn hướng về những việc, cho nên nó chú trọng đến những việc hướng dẫn hành vi con người, Phật giáo lấy xuất thế làm bản hoài, cho nên những việc của chúng ta, không của thế, không trọng niệm bản và tuy sống trong Ta Bà ngũ trần thế ác thế, những mục đích của họ là để sinh cho nên sau cùng họ vẫn là xuất thế. Trong kinh Hoa Nghiêm chép rằng "Tất cả bậc chúng ta đều dùng tâm bình đẳng làm ích lợi cho chúng sinh. Bậc chúng ta nếu có thể tùy thuận chúng sinh, tất cả là tùy thuận cúng dường chúng Phật, nếu nếu nào chúng sinh tôn trọng thế, tất cả là tôn trọng thế. Như Lai, nếu làm cho chúng sinh hoan hỷ tất cả là làm cho tất cả. Cho Phật hoan hỷ. Ví dụ như trong hoang mục có cây đời thế, nếu nếu nó đến đến những, nhánh lá hoa quả đều đều Phật

thành tựu vĩ đại, trên hoang mạc sinh tử, bậc thầy vô cùng cũng như vậy đó. Tất cả chúng sinh đều là gốc rễ cây, bậc thầy là hoa quả, dùng nước để tưới bi mà làm lợi ích cho chúng sinh, khi nào tất cả chúng sinh thành tựu được hoa quả trí tuệ của bậc thầy, bậc thầy, thì sao? Nếu chỉ bậc thầy dùng nước để tưới bi làm lợi ích cho chúng sinh thì cho chúng sinh được để làm như vậy, chúng sinh tất sẽ thành tựu được bậc thầy, cho nên bậc thầy thu được chúng sinh. Nếu không có chúng sinh, tất cả bậc thầy không thành tựu được vô thượng chánh giác. Vì tâm để tưới bi tùy thuộc chúng sinh, tất sẽ thành tựu được đúng như vậy. Tùy thuộc chúng sinh như vậy, cõi họ không họ, cõi chúng sinh họ, nghiệp chúng sinh họ, phiền não chúng sinh họ, tùy thuộc như vậy, không bao giờ họ, niệm niệm niệm niệm, không có gián đoạn, thân ngũ ý nghiệp, không có nhàm chán. Lợi ích nguy hiểm của bậc thầy sinh của các bậc thầy trong Phật pháp này hoàn toàn đúng là để tưới bi chúng sinh bậc thầy mà nói. Cái gì là bậc thầy thu được chúng sinh, nếu không có chúng sinh, tất cả bậc thầy không thành tựu được vô thượng chánh giác (thành Phật). Trong Luận Tỳ đàn kinh có nói: "Phật pháp là thế gian, không rời khỏi thế gian mà có, rời khỏi thế gian mà tìm bậc thầy, giảng dạy như đi tìm sông nước". Có thể thấy sự xuất hiện của Phật giáo chính là lợi thế gian bậc thầy hiện tại. Để thế gian Phật giáo yêu cầu chúng ta thế giới trong đời sống thế gian, cốt để thế giới phiến toái "sự tri chuyển động"; để lợi ích, để thành tựu viên mãn để tưới bi, để tưới bi như giọt giọt thoát khỏi bụi - "thành Phật". Cho nên nhân sinh quan của Phật giáo có thể nói do để tưới bi mà nhập thế, Phật giáo với thái độ nhập thế bằng mắt trái lòng vô tham, hoàn toàn quan điểm "vô ngã"; xuất phát. Như trong luật sinh tử của thế pháp, người ta thế gian nói: "trên sinh muôn vật, hơn thua tất cả";. Trong cuộc sống tranh vô cùng khốc liệt đó, kẻ bại trận, cùng lắm chỉ nhận được một sự đồng tình hiếm hoi để gọi là "nhân ái";, như người người kẻ được ban nhân ái và nhận được pháp trời được "ngã chấp";, cho nên so với sự để tưới bi của Phật pháp thì khác nhau như trời với đất vậy.

Kết Luận

Tất cả những điều đã nói ở trên được đưa ra nhằm khẳng định rõ nét những điểm khác nhau giữa Phật pháp và triết học. Những điểm khác nhau này cũng chính là điểm mà Phật pháp vượt qua hơn triết học. Để các giới bạn muốn nhận thức sự vĩ đại của triết học Phật pháp một cách chân thực cần phải trải nghiệm và nghiên cứu sâu xa những lý Phật đã dạy trong tam tạng kinh còn lưu truyền đến ngày nay.

TT.TS Thích Đức Văn